

Bản án số: 178/2024/DS-ST

Ngày: 02/7/2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thanh Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đỗ Thị A;
- Ông Vũ Ngọc Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 02 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 156/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2024/QĐST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty T (Việt Nam).

Địa chỉ: I P, Phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ko Sung J – Giám đốc kinh doanh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Phước Quỳnh G – Chuyên viên pháp lý, Công ty L (có đơn xin vắng mặt).

(Theo Giấy ủy quyền số 04/2024/GUQ-MAFC ngày 01/01/2024 của Công ty T (Việt Nam) và Giấy ủy quyền ngày 20/01/2024 của Công ty L)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Mịch P, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ: 5 Đ, Phường A, Quận A, Tp .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13/3/2024 cũng như tại các bản tự khai của nguyên đơn Công ty T (Việt Nam) có bà Nguyễn Phước Q Giao đại diện trình bày:

Ngày 22/4/2023 Công ty T (Việt Nam) (gọi tắt là Mirae A) ký Hợp đồng tín dụng số 4561085 về việc cấp tín dụng cho bà Nguyễn Mịch P với khoản vay

trị giá 21.900.000 đồng. Công ty đã giải ngân vào tài khoản của bà P. Theo hợp đồng, bà P có nghĩa vụ trả góp hàng tháng theo lịch thanh toán trong kỳ hạn 18 tháng, kể từ ngày 15/5/2023 đến ngày 15/10/2024 cho Mirae A theo mức lãi suất là 62%/năm. Tuy nhiên, ngay sau khi giải ngân bà P chỉ thực hiện được 01 kỳ trả đúng hạn đến kỳ 02 bà P vi phạm nghĩa vụ thanh toán. M đã liên hệ nhắc nợ cũng như gửi thư cho bà P biết về việc đã quá hạn thanh toán. Tuy nhiên, bà P vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Mirae A. Ngày 13/3/2024, Mirae A nộp đơn khởi kiện yêu cầu bà P thanh toán cho M tạm tính đến ngày 02/7/2024 số tiền 40.704.161 đồng, gồm: số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán là 22.296.079 đồng; số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán (*lãi phát sinh trong hạn*) là 10.627.357 đồng; số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn (*lãi quá hạn*) là 7.099.035 đồng; số tiền lãi chậm trả là 681.690 đồng.

Bị đơn bà P vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án tiến hành tố tụng nên không có lời khai.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty T yêu cầu bà P phải thanh toán số tiền nợ gốc và tiền lãi, phí tính đến ngày 02/7/2024 là 40.704.161 đồng. Tiền lãi được tiếp tục tính kể từ ngày 03/7/2024 cho đến khi bà P thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng của Mirae A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Mạch P ký Hợp đồng tín dụng số 4561085 với Mirae A. Do bà P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Mirae A khởi kiện yêu cầu bà P trả tiền vay còn thiếu, có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: do bị đơn bà Nguyễn Mạch P cư trú tại Quận A, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng:

[3.1] Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên M1 đăng ký lần đầu ngày 08/9/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 29/12/2023 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố H cấp có cơ sở xác định ông Jin S là đại diện theo pháp luật của Mirae A. Xét Giấy ủy quyền số 04/2024/GUQ-MAFC ngày 01/01/2024 của Mirae A và Giấy ủy quyền ngày 20/01/2024 của Công ty L Niềm Tin hợp lệ, nên bà Nguyễn Phước Q Giao có đủ tư cách đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng tại Tòa án.

[3.2] Xét bị đơn bà Nguyễn Mạch P đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai

chứng cứ và triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Xét đơn xin xét xử vắng mặt của của bà **G** đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn **Mirae A** là hợp lệ nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[4] Xét Hợp đồng tín dụng số 4561085 ngày 22/4/2023: Căn cứ Điều 385 Bộ luật dân sự 2015 quy định: “*Hợp đồng dân sự là sự thỏa thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự*”. Căn cứ Điều 3 Nghị định 39/2014/NĐ-CP ngày 07/5/2014 của Chính phủ về hoạt động công ty tài chính; Giấy phép thành lập và hoạt động **công ty T** (Việt Nam) số 73/GP-NHNN ngày 12/11/2021 của **Ngân hàng N**. Căn cứ Hợp đồng hợp tác cung cấp và sử dụng dịch vụ chữ ký số công cộng FPT-CA số 2020.123/HĐKT/BK6 ngày 06/4/2020. Căn cứ Nghị định 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 quy định chi tiết thi hành luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số. Xét Hợp đồng tín dụng số 4561085 ngày 22/4/2023 được thực hiện theo hình thức hợp đồng điện tử phù hợp với các quy định pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng.

[5] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[5.1] Xét yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc: Như phân tích tại phần [4] thì hợp đồng làm phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên thực hiện giao dịch hợp đồng. Căn cứ Phiếu báo nợ số giao dịch FT23114693154683, số tham chiếu 202037020133519.030001 ngày 22/4/2023 của **Ngân hàng TMCP K** có cơ sở xác định **Mirae A** đã giải ngân số tiền vay cho bà **P** theo hợp đồng đã ký. Căn cứ bản sao kê thư đề nghị thực hiện nghĩa vụ thanh toán, báo cáo lịch sử thanh toán Hợp đồng tín dụng, báo cáo thu hồi nợ vay hợp đồng tín dụng thể hiện bà **P** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho **Mirae A** từ ngày 15/06/2023. Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền nợ gốc còn thiếu là có cơ sở xem xét chấp nhận.

[5.2] Xét yêu cầu tính lãi: Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng 2010 quy định: “*Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật*”. Căn cứ khoản 4 Điều 13, khoản 5 Điều 14 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc **Ngân hàng N** về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng nên **Mirae A** là tổ chức tín dụng thực hiện cho vay bằng đồng Việt Nam theo lãi suất thỏa thuận đối với khách hàng là không trái pháp luật. Mặc khác, theo quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng quy định: “*Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ theo hợp đồng tín dụng*”. Căn cứ tại Hợp đồng 4561085 thì lãi suất phát sinh dư nợ là 62%/năm, lãi suất quá hạn theo quy định pháp luật là 150%/năm và số tiền lãi chậm trả là 10%/năm. Xét thấy đến kỳ hạn trả nợ,

phía bị đơn không trả được nợ nên nguyên đơn yêu cầu chuyển toàn bộ dư nợ hiện có của hợp đồng sang nợ quá hạn là phù hợp với quy định về chuyển nợ quá hạn của hợp đồng. Từ những cơ sở trên chấp nhận buộc bị đơn bà **P** hoàn trả tổng cộng 40.704.161 đồng (tạm tính đến ngày 02/7/2024), gồm: số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán là 22.296.079 đồng; số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán (*lãi phát sinh trong hạn*) là 10.627.357 đồng; số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn (*lãi quá hạn*) là 7.099.035 đồng; số tiền lãi chậm trả là 681.690 đồng.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Điều 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91, 95 của Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010;

Căn cứ vào Điều 463, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

[1] Buộc bà **Nguyễn Mạch P** thanh toán cho **Công ty T** (Việt Nam) số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số: 4561085 ngày 22/4/2023 là 40.704.161 đồng (trong đó: số dư nợ gốc là 22.296.079 đồng; số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán 10.627.357 đồng; số tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn 7.099.035 đồng; số tiền lãi chậm trả là 681.690 đồng).

[2] Tiền lãi sẽ được tiếp tục tính từ ngày 03/7/2024 cho đến khi bà **P** thanh toán xong nợ, theo mức lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng số: 4561085 ngày 22/4/2023 của **Công ty T** (Việt Nam).

[3] Thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm 2.035.208 đồng, bà **Nguyễn Mạch P** phải chịu.

Trả lại cho **Công ty T** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 817.874 đồng, theo biên lai thu tiền số 0020062 ngày 01/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TỌA THẨM PHÁN

Trần Thanh Nhân

Tr